

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

Kính gửi: Bộ giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trong quá trình tổng hợp số liệu phục vụ Báo cáo thường niên năm 2024 của Nhà trường, việc sử dụng tiêu chí thống kê đối với một số chỉ số giữa năm 2023 và năm 2024 chưa hoàn toàn đồng nhất theo Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT ngày 05/02/2024, Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh đính chính báo cáo thường niên năm 2024 như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

Cơ sở 1: Phường Yên Thọ, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

Cơ sở 2: Phường Minh Thành, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203 871 292

Fax: 0203 871 092

Cổng thông tin điện tử: <http://qui.edu.vn>

3. Loại hình của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh, cơ quan quản lý trực tiếp

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh là cơ sở giáo dục Đại học công lập đảm bảo một phần chi thường xuyên. Cơ quan quản lý trực tiếp: Bộ Công Thương

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh

#### Sứ mạng:

Là một trung tâm đào tạo ĐH, sau ĐH cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; là trung tâm NCKH và CGCN về các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ.

#### Tầm nhìn:

Đến năm 2035, Trường ĐHCNQN trở thành cơ sở đào tạo và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước và khu vực về công nghiệp và dịch vụ theo hướng ứng dụng.

**Giá trị cốt lõi của Trường ĐHCNQN:** Là một hệ giá trị mang tính toàn diện, bao gồm: *Liêm chính - Đoàn kết - Trách nhiệm - Sáng tạo*, trong đó:

**Liêm chính:** Trường ĐHCNQN tôn trọng sự trung thực, công bằng và minh bạch trong tất cả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu và quản trị ĐH. Công khai và thực hiện



nghiêm túc những cam kết của Nhà trường đối với người học, CBVC của Nhà trường, cộng đồng và xã hội.

**Đoàn kết:** Tập thể sư phạm Nhà trường là một khối thống nhất, đồng tâm nhất trí vì sự phát triển của Nhà trường; luôn sẵn sàng hợp tác trong công việc, chia sẻ nguồn lực, hỗ trợ và giúp đỡ lẫn nhau để hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ. Mạng lưới cựu NH và các đối tác luôn là một phần gắn bó chặt chẽ của Trường.

**Trách nhiệm:** Các thành viên của Trường ĐHCNQN luôn suy nghĩ và hành động có trách nhiệm với Nhà trường, cộng đồng và xã hội. Lợi ích của mỗi cá nhân gắn liền với sự phát triển của Nhà trường. Hết mình vì sự nghiệp chung là nhận thức căn bản của mỗi thành viên Trường ĐHCNQN.

**Sáng tạo:** Xây dựng môi trường học tập và nghiên cứu thân thiện, đảm bảo cho CB, GV, NH được tự do sáng tạo, phát triển tư duy; Tôn trọng các ý kiến phản biện khách quan, có cơ sở khoa học; Giữ vững và phát huy vai trò đi đầu trong đổi mới và sáng tạo.

## **5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh**

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh trực thuộc Bộ Công Thương, tiền thân là Trường Trung học kỹ thuật mỏ, được thành lập ngày 25/11/1958 theo Quyết định số 1630/BCN của Bộ Công nghiệp, địa điểm thành lập tại thị xã Hồng Gai (nay là thành phố Hạ Long - Quảng Ninh). Sau những năm tháng phấn đấu xây dựng và phát triển, ngày 24/7/1996 tại Quyết định số 479/TTg của Thủ tướng Chính phủ đã nâng cấp trường thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Mỏ. Trước những nhu cầu phát triển của đất nước, sự lớn mạnh của Nhà trường, ngày 25/12/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1730/2007-QĐ-TTg, Quyết định thành lập Trường ĐHCNQN trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng kỹ thuật Mỏ.

## **6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ**

Họ và tên: Hoàng Hùng Thắng

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Phường Yên Thọ, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh  
Điện thoại: 0203 871 292

Email: [hoanghungthang@qui.edu.vn](mailto:hoanghungthang@qui.edu.vn)

## **7. Cơ cấu tổ chức**

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, của nhà trường;

Quyết định số 1370/QĐ-TTg ngày 25/12/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số 709/QĐ-BCT ngày 15/04/2022 của Bộ Công Thương về việc công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường, trường ĐHCNQN

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;



Quyết định số 1499/QĐ-BCT ngày 26/7/2022 của Bộ Công Thương về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh nhiệm kỳ 2022-2027

Nghị quyết số 28/NQ-HĐT ngày 28/11/2023 của Hội đồng trường về việc bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng nhiệm kỳ 2022-2027

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhà trường và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường;

Nghị quyết số 26/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Nghị quyết số 06/NQ-HĐT ngày 08/3/2023 của Hội đồng trường về ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

đ) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường.

- Hoàng Hùng Thắng, Hiệu trưởng

- Số điện thoại: 0903231089

- Địa chỉ thư điện tử: [hoanghungthang@gmail.com](mailto:hoanghungthang@gmail.com)

- Địa chỉ nơi làm việc: Phường Yên Thọ, Thành phố Đông Triều, Tỉnh Quảng Ninh.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng

+ Là người đại diện theo pháp luật và là chủ tài khoản của Trường.

+ Tổ chức thực hiện hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản, hợp tác trong nước, quốc tế, hoạt động khác theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, nghị quyết của Hội đồng trường;

+ Trình văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng trường sau khi tổ chức lấy ý kiến của tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong Trường; ban hành quy định khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

+ Đề xuất hội đồng trường xem xét bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý thuộc thẩm quyền của Hội đồng trường; thực hiện bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh quản lý khác thuộc Trường, quyết định dự án đầu tư theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường;

+ Hàng năm, báo cáo trước Hội đồng trường về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng về công tác tài chính, tài sản của Trường; thực hiện công khai, minh bạch thông tin; thực hiện chế độ báo cáo và chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện trách nhiệm giải trình trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

+ Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng trường và các bên liên quan; chịu sự giám sát của cá nhân, tổ chức có liên quan về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Danh sách Ban lãnh đạo

ÔNG  
TRU  
ĐẠI  
HỌNG  
QUẢN



TT	Các bộ phận	Họ và tên	Năm sinh	Học vị, chức danh, chức vụ	Điện thoại	Email
1	HĐT	Bùi Thanh Nhu	1970	GVC, Tiến sĩ, Chủ tịch	0912842867	buithanhnhu@qui.edu.vn
2	BGH	Hoàng Hùng Thắng	1972	GVC, Tiến sĩ, Hiệu trưởng	0903231089	hoanghungthang@qui.edu.vn
3	BGH	Phạm Đức Thang	1986	GVC, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng	0987302934	phamducthang@qui.edu.vn

### 8. Các văn bản khác của nhà trường:

Chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của nhà trường và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

Nghị quyết số 08/NQ-HĐT ngày 10/3/2023 của Hội đồng trường về ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh giai đoạn 2023-2030, tầm nhìn đến năm 2035.

Nghị quyết số 23/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Quy định thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 06/11/2023 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế Tài chính Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Nghị quyết số 50/NQ-HĐT ngày 16/9/2024 của Hội đồng trường về ban hành Quy chế về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

Thông báo số 525/TB-ĐHCNQN ngày 30/10/2024 của Hiệu trưởng về tuyển dụng viên chức năm 2024

Kế hoạch số 318/KH-ĐHCNQN ngày 30/10/2024 của Hiệu trưởng về tuyển dụng viên chức năm 2024

Quyết định số 307/QĐ-ĐHCNQN ngày 31/05/2023 của Hiệu trưởng về ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023.

Thông báo số 144/TB-ĐHCNQN ngày 24/02/2024 của Hiệu trưởng về việc kéo dài thời gian áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ 2023 trong năm 2024.





## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	6,54	7,06
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	94,31	98,2
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	17,54	16,76

### 2. Thông kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo (PL1)

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	211	9	164	37	1	
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	199	9	158	32	1	

### 3. Thông kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm 2024	Năm 2023
1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	16	18
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	40	40
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	28,43	33,53

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Diện tích đất/người học (m <sup>2</sup> )	267,796	293,237
2	Diện tích sàn/người học (m <sup>2</sup> )	26,28	26,47
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt	100 %	100%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	1849,14	375,09
5	Số bản sách/người học	129,2	28,56
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	18,2	10
7	Tốc độ Internet/1.000 người học (Mbps)	700	700

### 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo (PL2)

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích sàn (m <sup>2</sup> )
1	Trụ sở chính	Yên Thọ, Đông Triều, Quảng Ninh	102.929,25	23.435
2	Cơ sở	Minh Thành, Quảng Yên, Quảng Ninh	190.377,7	11.332,6
Tổng cộng				

### 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà		không
2	Nâng cấp tòa nhà		không
3	Đầu tư mới phòng thí nghiệm		không



4	Nâng cấp phòng thí nghiệm		không
<b>Tổng cộng</b>			

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

##### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Trường Đại học Vinh (VCEA)

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học

- Mức độ đạt kiểm định:

+ Đảm bảo chất lượng về chiến lược: 3,86

+ Đảm bảo chất lượng về hệ thống: 3,61

+ Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: 3,83

+ Kết quả hoạt động: 3,67

(Không tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,0)

- Thời gian hiệu lực: từ ngày 27 tháng 02 năm 2023 đến ngày 27 tháng 02 năm 2028

##### 2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử	Công nghệ kỹ thuật điện – điện tử	Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long	Từ ngày 19/12/2024 đến ngày 18/12/2029
2	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa		Từ ngày 19/12/2024 đến ngày 18/12/2029
3	7480201	Công nghệ thông tin	Công nghệ thông tin		Từ ngày 19/12/2024 đến ngày 18/12/2029
4	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Công nghệ kỹ thuật cơ khí		Từ ngày 19/12/2024 đến ngày 18/12/2029
5	7340301	Kế toán	Kế toán		Từ ngày 19/12/2024 đến ngày 18/12/2029

#### V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

##### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	24,9	23,6
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	27,4	27,5
3	Tỉ lệ thôi học	5,3	7,0
4	Tỉ lệ thôi học năm đầu	12,43	11,6
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	71,11	69,4
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	80,34	71,64
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	90,6	95,1
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	88,9	98,5



9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	90,97	85.56
---	----------------------------------------------------	-------	-------

## 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp năm (PL3; PL4)

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
<b>I</b>	<b>Đại học</b>				
	Chính quy	1331	349	150	98.61
	Vừa làm vừa học	82	26	0	
	Đào tạo từ xa	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Thạc sĩ (và trình độ tương đương)</b>				
1	Kỹ thuật điện	0		0	
2	Khai thác mỏ	41	30	10	
<b>III</b>	<b>Tiến sĩ</b>			0	

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2024	Năm 2023
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	1,04	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	29	32
3	Số công bố WoS, Scopus/ giảng viên	4	1

### 2. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm, triệu đồng
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	
2	Đề tài cấp bộ, tỉnh	1	
3	Đề tài cấp cơ sở	9	124
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	
5	Đề tài hợp tác quốc tế	1	800
	<b>Tổng số</b>	<b>11</b>	

### 3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm 2024	Năm 2023
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	2	6
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	4	1
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	15	9
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm 2023	Năm 2022
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	0.035	0.024
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	-0.535	-0.461



## 2. Kết quả thu chi hoạt động

TT	Chỉ số thống kê	Năm 2023	Năm 2022
<b>A</b>	<b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>	<b>30.083</b>	<b>27.169</b>
<b>I</b>	<b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b>	<b>14.221</b>	<b>12.782</b>
<b>II</b>	<b>Thu giáo dục và đào tạo</b>	<b>11.967</b>	<b>9.792</b>
1	Học phí, lệ phí từ người học	11.967	9.792
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
3	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		
4	Thu khác		
<b>III</b>	<b>Thu khoa học và công nghệ</b>		<b>0.7</b>
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài		0.7
3	Thu khác		
<b>IV</b>	<b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>	<b>3.895</b>	<b>3.895</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>	<b>28.349</b>	<b>27.168</b>
<b>I</b>	<b>Chi lương, thu nhập</b>	<b>18.931</b>	<b>16.976</b>
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	18.413	16.462
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	518	0.514
<b>II</b>	<b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b>	<b>6.239,28</b>	<b>5.888</b>
1	Chi cho đào tạo	3.506,18	3.43
2	Chi cho nghiên cứu	244,50	118
3	Chi cho phát triển đội ngũ	2.486,28	
4	Chi phí chung và chi khác	2,32	2.34
<b>III</b>	<b>Chi hỗ trợ người học</b>	<b>540,72</b>	<b>666</b>
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	537,52	666
2	Chi hoạt động nghiên cứu	3,2	
3	Chi hoạt động khác		
<b>IV</b>	<b>Chi khác</b>	<b>2.638</b>	<b>3.638</b>
<b>C</b>	<b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>	<b>1.734</b>	<b>0.001</b>

## VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

### 1. Công tác tuyển sinh, đào tạo

- Nhà trường đã chủ động tất cả các công việc trong công tác tuyển sinh theo các mốc thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức đồng bộ các giải pháp truyền thông, xây dựng kế hoạch tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá hình ảnh của Trường đến các trường THPT; Đẩy mạnh hoạt động gắn kết Nhà trường với doanh nghiệp trong nước và ngoài nước, tổ chức cho sinh viên thực tập, tham gia trại hè quốc tế, tạo điều kiện, cơ hội việc làm cho sinh viên, hỗ trợ tìm kiếm việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

- Trong năm Nhà trường đã triển khai rà soát, cải tiến các văn bản quy định trong công tác đào tạo; mở mới 01 ngành đào tạo trình độ đại học.

- Phát triển phần mềm quản lý đào tạo, kết nối thư viện số, phục vụ công tác hỗ trợ giảng viên, sinh viên học tập và nghiên cứu khoa học.

- Thực hiện khắc phục tồn tại sau đánh giá ngoài cơ sở giáo dục đại học theo khuyến nghị của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục và kế hoạch cải tiến chất lượng của Nhà trường.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy, nội dung các môn học, biên soạn mới giáo trình.



## 2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác quy hoạch, xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên; thực hiện đúng quy trình công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý, chức danh nghề nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước.
- Nhà trường có chính sách thu hút, tạo nguồn tuyển dụng giảng viên, trong đó có ưu tiên đội ngũ có trình độ cao.
- Để đáp ứng yêu cầu công việc, nhà trường tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia các khoá tập huấn chuyên đề, bồi dưỡng chuyên môn.

## 3. Công tác giáo dục - quản lý sinh viên

- Nhà trường thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục, quản lý sinh viên.
- Tổ chức các hoạt động ngoại khoá, bồi dưỡng các kỹ năng cho sinh viên. Hỗ trợ sinh viên trong quá trình tự học, tự nghiên cứu; tổ chức tham quan, trải nghiệm thực tế, thực tập. Phối hợp giảng dạy, quản lý giảng dạy các học phần tại các doanh nghiệp.
- Nhà trường đã thực hiện kịp thời chế độ chính sách cho sinh viên theo chế độ hiện hành. Đồng thời Nhà trường đã tìm kiếm cho sinh viên các nguồn học bổng từ doanh nghiệp bên ngoài.

## 4. Công tác NCKH, HTQT

- Công tác nghiên cứu khoa học được Nhà trường chú trọng, quan tâm, động viên, khuyến khích và ghi nhận, nhiều đề tài của cán bộ, giảng viên và sinh viên có chất lượng, mang tính ứng dụng cao. Trong năm học nhà trường có 62 đề tài NCKH sinh viên, 10 đề tài cấp cơ sở. chờ phê duyệt 03 đề tài cấp tỉnh, Bộ.
- Nhà trường tổ chức các cuộc hội thảo khoa học cấp tỉnh, hội thảo quốc tế.
- Hợp tác với nhiều công ty, doanh nghiệp nước ngoài; thực hiện dự án Erasmus+.

## 5. Công tác xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở vật chất

- Trong năm học 2023 - 2024 nhà trường không thực hiện mua sắm, xây dựng mới phòng thực hành, thí nghiệm.
- Quản lý và khai thác hiệu quả thiết bị các phòng thực hành/thí nghiệm. Cung cấp vật tư, thiết bị đáp ứng kịp thời cho các hoạt động của Nhà trường.
- Trong năm học 2023 - 2024 nhà trường đã đầu tư tài liệu, giáo trình bản cứng và bản điện tử đáp ứng chuẩn cơ sở giáo dục theo Thông tư 01/2024-BGDĐT.



TS. Hoàng Hùng Thắng